

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2021
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Hồ Xuân Giao

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:411/2020/HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N – Sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Anh Cao Minh C – sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Tôi và anh Cao Minh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/7/2015. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến giữa năm 2019 mâu thuẫn phát sinh căng thẳng tôi đã dẫn 02 con về nhà mẹ đẻ sinh sống tại tổ dân phố 11, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời

gian ly thân, hai bên không có thiện chí hàn gắn mà bỏ mặc nhau, không quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên tôi xin được ly hôn với anh C.

-Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung là cháu: Cao Hoàng Nhã Uyên – sinh ngày 13/5/2015 và cháu Cao Hoàng Anh Trúc – sinh ngày 28/7/2016. Từ khi ly thân 02 cháu ở với tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Thu nhập hiện nay của tôi khoảng 5.000.000 đồng đủ để nuôi con còn ông C làm nghề sửa chữa xe máy không có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn anh Cao Minh C: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập họp lệ nhưng anh C không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Cao Minh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Phan Thị N và anh Cao Minh C có đăng ký kết hôn hợp pháp và sinh sống tại Thôn 10, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Qua xác minh thì được chính quyền địa phương thì được biết: Anh Cao Minh C vẫn đang cư trú ở tại xã H., thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 08 tháng 01 năm 2021. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng chị N và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị N yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa chị N và anh C không còn thương yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa chị N và anh

C không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng chị N và anh C là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn với anh C.

-Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là cháu: Cao Hoàng Nhã Uyên – sinh ngày 13/5/2015 và cháu Cao Hoàng Anh Trúc – sinh ngày 28/7/2016. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì chị N có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của chị N là chính đáng vì từ khi ly thân đến nay chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu và không để ảnh hưởng đến tâm lý và điều kiện học hành nên cần giao cháu Cao Hoàng Nhã Uyên – sinh ngày 13/5/2015 và cháu Cao Hoàng Anh Trúc – sinh ngày 28/7/2016 cho chị Phan Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Cao Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Hoàng Nhã Uyên – sinh ngày 13/5/2015 và cháu Cao Hoàng Anh Trúc – sinh ngày 28/7/2016 cho chị Phan Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành Niên (18 tuổi).

Anh Cao Minh C được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0008013 ngày 27/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Anh Cao Minh C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Nêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Hòa Phú
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ